

Số: 49 /2017/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày 29 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về quản lý, đầu tư, khai thác và sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh Lào Cai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 81/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 210/2013/TTLT-BTC-BXD-BTTTT ngày 30 tháng 12 năm 2013 của liên Bộ: Tài chính, Xây dựng, Thông tin và Truyền thông Hướng dẫn cơ chế, nguyên tắc kiểm soát giá và phương pháp xác định giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 21/2013/TTLT-BXD-BCT-BTTTT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của liên Bộ: Xây dựng, Công Thương, Thông tin và Truyền thông quy định về dấu hiệu nhận biết các loại đường dây, cáp và đường ống được lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 15/2016/TTLT-BTTTT-BXD ngày 22 tháng 6 năm 2016 của liên Bộ: Thông tin và Truyền thông và Bộ Xây dựng hướng dẫn quản lý việc xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Lào Cai tại Tờ trình số 110/TTr-STTTT ngày 29 tháng 12 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý, đầu tư, khai thác và sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 01 năm 2018 và thay thế Quyết định số 53/2011/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành Quy định về công tác quản lý, phát triển trạm thu, phát sóng thông tin di động trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Chỉ thị số 03/2009/CT-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về việc ngầm hóa hệ thống mạng cáp viễn thông trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Thông tin và Truyền thông, Xây dựng; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Giám đốc các doanh nghiệp viễn thông và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Thông tin và Truyền thông, Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản OPPL-Bộ Tư pháp;
- TT: TU, HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban Đảng thuộc Tỉnh ủy;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- VP: TU, HĐND tỉnh;
- Như Điều 3 (QĐ);
- Sở Tư pháp; Công báo tỉnh; Cổng TTĐT tỉnh;
- Báo Lào Cai; Đài PTTH tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu: VT, Các CV.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Đặng Xuân Phong

QUY ĐỊNH

**Về quản lý, đầu tư, khai thác và sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật
viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh Lào Cai**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 49/2017/QĐ-UBND ngày 29/12/2017
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

a) Quy định này quy định về công tác quản lý, đầu tư, khai thác và sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

b) Những nội dung khác về quản lý, đầu tư, khai thác và sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động không có trong Quy định này được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Các cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư, khai thác và sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

b) Các đơn vị đầu tư, quản lý, khai thác, sử dụng và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Nguyên tắc quản lý, đầu tư, khai thác và sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động

1. Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý, giao nhiệm vụ cho các cơ quan chuyên môn, phân cấp trách nhiệm cho Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố quản lý hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh.

2. Việc phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động phải phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động, quy hoạch của các ngành có liên quan; đảm bảo an toàn thông tin, an ninh quốc phòng, mỹ quan đô thị, an toàn cho người và phương tiện.

3. Khuyến khích, ưu tiên, tạo điều kiện đối với tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động dùng chung theo các hình thức đầu tư phù hợp.

4. Công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động đầu tư mới phải được thiết kế đảm bảo nhu cầu dùng chung cho tối thiểu 02 (hai) doanh nghiệp viễn thông trở lên.

5. Đối với khu đô thị mới, khu chung cư, khu nhà liền kề, khu bất động sản nghỉ dưỡng - du lịch, chủ đầu tư có trách nhiệm đầu tư xây dựng đồng bộ công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Chương II

DÙNG CHUNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT VIỄN THÔNG THỤ ĐỘNG

Điều 3. Công bố thông tin

1. Công bố thông tin:

a) Việc công bố thông tin phải được thực hiện công khai và chính xác;

b) Chủ sở hữu công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động (cột treo cáp; công bể ngầm; nhà, trạm BTS, cột anten) có trách nhiệm công bố các thông tin về dung lượng, các điều kiện kỹ thuật trong quá trình vận hành, khai thác và giá thuê của những công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động có khả năng cho thuê/dùng chung;

c) Hình thức công bố: đơn vị chủ sở hữu công trình hạ tầng viễn thông thụ động có khả năng cho thuê/dùng chung thực hiện việc công bố thông tin trên website chính thức và niêm yết công khai tại các điểm phục vụ của đơn vị; đồng thời báo cáo Sở Thông tin và Truyền thông định kỳ hằng năm;

d) Khi có thay đổi về công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động cho thuê/dùng chung, chủ sở hữu công trình phải điều chỉnh nội dung đã công bố trên trang website chính thức, các điểm phục vụ của đơn vị và thông báo bằng văn bản cho Sở Thông tin và Truyền thông.

2. Quy tắc cung cấp thông tin:

a) Khi có yêu cầu cung cấp thông tin để sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động, đơn vị có nhu cầu thuê, dùng chung gửi văn bản cho đơn vị sở hữu công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động và Sở Thông tin và Truyền thông. Trong thời hạn tối đa 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu cung cấp thông tin, đơn vị sở hữu công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động phải cung cấp thông tin theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều này cho đơn vị có nhu cầu thuê/dùng chung, đồng gửi Sở Thông tin và Truyền thông;

b) Trước thời điểm tổ chức sửa chữa, nâng cấp, lắp đặt thiết bị liên quan trên hạ tầng kỹ thuật viễn thông dùng chung tối thiểu 05 (năm) ngày làm việc, đơn vị chủ sở hữu hoặc đơn vị đi thuê/dùng chung phải có thông báo bằng văn bản cho đơn vị liên quan đang sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động. Trường hợp ứng cứu thông tin đột xuất, thực hiện thông báo và thống nhất phương án xử lý qua điện thoại hoặc Fax.

Điều 4. Giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động dùng chung

1. Giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông phải tuân thủ quy định tại Thông tư liên tịch số 210/2013/TTLT-BTC-BXD-BTTTT ngày 30/12/2013 của Bộ

trưởng các Bộ: Tài chính, Xây dựng, Thông tin và Truyền thông hướng dẫn cơ chế, nguyên tắc kiểm soát giá và phương pháp xác định giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

2. Đối với giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động dùng chung đầu tư từ nguồn ngân sách địa phương, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 5. Sử dụng chung hạ tầng công, bể ngầm

Ngoài việc thực hiện các quy định tại Điều 12, Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24/9/2012, việc sử dụng chung hạ tầng công, bể ngầm phải đảm bảo các quy định như sau:

1. Đối với các khu vực có sẵn hệ thống công, bể ngầm đáp ứng việc sử dụng chung. Chủ sở hữu hạ tầng công, bể ngầm phải tạo điều kiện cho các đơn vị có nhu cầu thuê dùng chung. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản đề nghị, chủ sở hữu hạ tầng công, bể ngầm phải có văn bản trả lời đơn vị có nhu cầu thuê dùng chung.

2. Trường hợp không đạt được thỏa thuận dùng chung, đơn vị có nhu cầu thuê dùng chung hạ tầng công, bể ngầm gửi văn bản đến Sở Thông tin và Truyền thông để xử lý theo quy định tại Khoản 3, Điều này.

3. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của đơn vị có nhu cầu thuê dùng chung hệ thống công, bể ngầm, Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm chủ trì việc thỏa thuận dùng chung hạ tầng công, bể ngầm:

a) Trường hợp hạ tầng công, bể ngầm hiện có đủ khả năng cho thuê dùng chung, Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với các đơn vị chức năng có liên quan yêu cầu đơn vị chủ sở hữu cho đơn vị có nhu cầu thuê lại hạ tầng công, bể ngầm để dùng chung;

b) Trường hợp hạ tầng công, bể ngầm hiện có đủ khả năng dùng chung nếu được nâng cấp, Sở Thông tin và Truyền thông khuyến khích, hướng dẫn đơn vị chủ sở hữu phối hợp với đơn vị có nhu cầu thuê dùng chung bàn bạc, thống nhất việc cải tạo, nâng cấp và thỏa thuận sử dụng chung hạ tầng công, bể ngầm;

c) Trường hợp hạ tầng công, bể ngầm hiện có không có khả năng dùng chung, Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với các đơn vị có thẩm quyền xem xét và cho ý kiến đối với việc đầu tư hạ tầng công, bể ngầm mới.

4. Những khu vực theo quy hoạch được xây dựng hạ tầng công, bể ngầm để ngầm hóa đường dây, cáp viễn thông, Ủy ban nhân dân tỉnh khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư hạ tầng công, bể ngầm và cho các doanh nghiệp thuê lại; đơn vị đầu tư hạ tầng công, bể ngầm phải thiết kế đảm bảo nhu cầu dùng chung cho tối thiểu 03 (ba) doanh nghiệp viễn thông và các công trình hạ tầng ngành điện, nước.

5. Đơn vị chủ sở hữu hạ tầng công, bể ngầm sử dụng chung chủ trì, phối hợp với các đơn vị dùng chung xây dựng quy trình vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa đường dây, cáp ngầm đảm bảo các tiêu chuẩn ngành, yêu cầu kỹ thuật và an toàn cho mạng lưới.

Điều 6. Sử dụng chung hạ tầng cột treo cáp

Ngoài việc thực hiện các quy định tại Điều 14, Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24/9/2012, việc sử dụng chung hạ tầng cột treo cáp phải đảm bảo các quy định như sau:

1. Không lắp đặt cột treo cáp hoặc sử dụng hệ thống cột điện lực để treo cáp ở các khu vực bắt buộc ngầm hóa theo quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của tỉnh đã được phê duyệt.

2. Không đầu tư, xây dựng 02 (hai) hệ thống cột treo cáp trên cùng một tuyến trong khu vực đô thị.

3. Các tuyến cột treo cáp đầu tư mới phải thiết kế đảm bảo nhu cầu dùng chung cho tối thiểu 03 (ba) doanh nghiệp.

4. Không tự ý treo cáp trên hệ thống cột điện lực, cột treo cáp khi chưa được đơn vị chủ sở hữu cho phép.

5. Đối với các tuyến đường đã có hệ thống cột treo cáp: các doanh nghiệp khi có nhu cầu kéo cáp treo phải phối hợp sử dụng chung cơ sở hạ tầng sẵn có.

a) Đơn vị chủ sở hữu cột treo cáp có trách nhiệm hướng dẫn các tổ chức, cá nhân dùng chung khai thác hệ thống cột treo cáp đảm bảo các quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy định về an toàn, mỹ quan theo quy định;

b) Nếu trên một tuyến cùng tồn tại tuyến cột treo cáp và tuyến công, bể ngầm thì việc sử dụng chung hạ tầng phải ưu tiên sử dụng tuyến công, bể ngầm (với điều kiện tuyến công, bể ngầm đủ năng lực để sử dụng chung).

6. Đơn vị chủ trì việc thi công, vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa cáp treo, trụ treo cáp phải phối hợp với đơn vị chủ sở hữu và các đơn vị dùng chung có liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện, đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật và an toàn đối với hệ thống điện lực, viễn thông.

Điều 7. Sử dụng chung hạ tầng trạm thu phát sóng di động (BTS)

Ngoài việc thực hiện các quy định tại Điều 14, Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24/9/2012, việc sử dụng chung hạ tầng trạm BTS phải đảm bảo các quy định như sau:

1. Đối với các khu vực có cột ăng ten hiện có phù hợp với quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của tỉnh, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng cho công trình trạm BTS và đủ năng lực đáp ứng việc dùng chung, chủ sở hữu cột ăng ten phải chia sẻ hạ tầng với tổ chức, cá nhân khác.

2. Các trạm BTS phải đảm bảo khoảng cách tối thiểu là 100 m đối với khu vực đô thị và tối thiểu 500 m đối với khu vực ngoài đô thị trừ trường hợp quy định tại Khoản 3, Điều này.

3. Đối với những trạm BTS không đáp ứng quy định về khoảng cách quy định tại Khoản 2, Điều này:

a) Đối với những trạm BTS hiện có, Ủy ban nhân dân tỉnh khuyến khích các đơn vị chủ sở hữu thỏa thuận, thống nhất phương án dùng chung cơ sở hạ tầng;

b) Đối với những trạm BTS xây dựng mới, chủ đầu tư phải thỏa thuận với đơn vị chủ sở hữu trạm BTS đã có để dùng chung hạ tầng. Trường hợp không đạt được thỏa thuận dùng chung với lý do chính đáng, chủ đầu tư có văn bản xin ý kiến Sở Thông tin và Truyền thông và chỉ được phép thi công lắp đặt trạm BTS sau khi nhận được ý kiến chấp thuận về vị trí xây dựng trạm của Sở Thông tin và Truyền thông.

4. Chủ đầu tư xây dựng trạm BTS mới phải thiết kế kết cấu, chiều cao cột BTS đảm bảo độ an toàn và đáp ứng nhu cầu dùng chung cho tối thiểu 02 (hai) doanh nghiệp viễn thông; Nhà trạm BTS có diện tích đảm bảo tương xứng với số trạm BTS sử dụng chung; các trường hợp khác phải có ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Chương III

CHỈNH TRANG, NGÂM HÓA CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT VIỄN THÔNG THỤ ĐỘNG

Điều 8. Xây dựng kế hoạch chỉnh trang, ngâm hóa hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động

1. Căn cứ Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của tỉnh, Quy hoạch các ngành liên quan và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, hằng năm Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch và phương án chỉnh trang, ngâm hóa công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn quản lý.

2. Nguyên tắc thực hiện kế hoạch chỉnh trang, ngâm hóa công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động:

a) Ưu tiên việc sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động;

b) Việc chỉnh trang, ngâm hóa công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động phải phù hợp với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành, đảm bảo an toàn an ninh mạng lưới và mỹ quan đô thị;

c) Việc chỉnh trang, ngâm hóa công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của các huyện, thành phố phải phù hợp với lộ trình chỉnh trang, ngâm hóa công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của tỉnh.

Điều 9. Triển khai kế hoạch chỉnh trang, ngâm hóa công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động

1. Căn cứ Kế hoạch chỉnh trang, ngâm hóa công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động hằng năm, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chủ trì, phối hợp

với các đơn vị có liên quan hướng dẫn, triển khai và giám sát các doanh nghiệp tổ chức thực hiện.

2. Doanh nghiệp viễn thông có trách nhiệm phối hợp, tự chủ về kinh phí và nhân lực phục vụ việc chỉnh trang, ngầm hóa công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động thuộc sở hữu của đơn vị theo Kế hoạch và phương án đã phê duyệt.

3. Tổ chức chỉnh trang, ngầm hóa công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động:

a) Tối thiểu 07 (bảy) ngày làm việc trước thời điểm chính thức triển khai, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có văn bản gửi đơn vị chủ sở hữu và các đơn vị đang sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động, đồng gửi Sở Thông tin và Truyền thông, các cơ quan, đơn vị liên quan để phối hợp thực hiện.

b) Trong quá trình chỉnh trang, ngầm hóa công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động, nếu có doanh nghiệp không phối hợp thực hiện hoặc không xác định được đơn vị chủ sở hữu đối với công trình hoặc thiết bị lắp đặt trên/trong công trình, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố sẽ xử lý phần tài sản này như tài sản vô chủ.

4. Đối với mạng cáp, dây thuê bao treo hiện có chưa thể ngầm hóa, các doanh nghiệp chủ đầu tư xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch chỉnh trang, bố cục; thu hồi, tháo dỡ cáp, dây thuê bao không sử dụng theo đúng tiến độ của từng giai đoạn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 10. Quy định nhận diện hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động các doanh nghiệp

Việc đánh dấu, nhận diện đường dây, cáp viễn thông và thiết bị phụ trợ trong các công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động thực hiện theo quy định của Thông tư liên tịch số 21/2013/TTLT-BXD-BCT-BTTTT ngày 27/12/2013 của liên Bộ Xây dựng, Bộ Công Thương, Bộ Thông tin và Truyền thông; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 33:2011/BTTTT về lắp đặt mạng cáp ngoại vi viễn thông. Cụ thể như sau:

1. Các tuyến cáp, đường dây, hệ thống công, bệ ngầm và các thiết bị phụ trợ phải được gắn, in thẻ nhận diện.

a) Kích thước thẻ nhận diện: kích thước (dài x rộng) không nhỏ hơn 60 x 40 mm và không lớn hơn 130 x 80 mm;

b) Màu sắc thẻ nhận diện: màu vàng;

c) Thông tin trên thẻ nhận diện: Các thông số kỹ thuật của đường dây, cáp và đường ống; Thông tin về chủ sở hữu hoặc đơn vị được ủy quyền quản lý đường dây, cáp và đường ống;

d) Vị trí gắn, in thẻ nhận diện: Thẻ nhận diện được gắn trên đường dây, cáp hoặc đường ống tại bệ cáp, hố ga kỹ thuật; Vị trí và khoảng cách lắp đặt thẻ nhận diện tuân thủ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

2. Đường dây, cáp viễn thông treo nổi qua các khu vực giao thông phải treo biển báo hiệu độ cao.

a) Kích thước, màu sắc của biển báo hiệu độ cao thực hiện theo quy định tại Điểm a, b, Khoản 1, Điều này;

b) Thông tin thể hiện trên biển báo hiệu độ cao gồm: thông tin về tính chuyên ngành, chủ sở hữu hoặc đơn vị được ủy quyền quản lý đường dây, cáp viễn thông và chỉ số độ cao (theo khoảng cách thẳng đứng tính từ điểm thấp nhất tới mặt đường bộ hoặc đường thủy, đơn vị là mét, lấy sau dấu phẩy một chữ số);

c) Vị trí lắp đặt biển báo hiệu độ cao: gắn trên đường dây, sợi cáp thấp nhất và tại vị trí thấp nhất.

Điều 11. Khắc phục sự cố đối với công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động

1. Xử lý sự cố trạm BTS:

a) Trường hợp xảy ra sự cố đối với thiết bị lắp đặt tại trạm, doanh nghiệp viễn thông phải đảm bảo việc khắc phục sự cố, khôi phục liên lạc trong vòng 24 (hai mươi tư) giờ kể từ thời điểm xảy ra sự cố.

b) Trường hợp gây, đổ trạm BTS, doanh nghiệp viễn thông có trách nhiệm:

- Báo cáo các đơn vị quản lý chuyên ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện thông tin về sự cố đối với trạm BTS;

- Giải phóng mặt bằng và triển khai phương án dự phòng đảm bảo khôi phục liên lạc trong vòng 24 (hai mươi tư) giờ kể từ thời điểm xảy ra sự cố;

- Khôi phục hoặc lắp đặt mới trạm BTS tại khu vực xảy ra sự cố (trong trường hợp cần thiết) đảm bảo thông tin liên lạc và an toàn mạng lưới.

2. Xử lý sự cố hệ thống truyền dẫn:

a) Trường hợp xảy ra sự cố đối với cáp thông tin và các thiết bị truyền dẫn, doanh nghiệp viễn thông phải đảm bảo khôi phục liên lạc trong vòng 12 (mười hai) giờ kể từ thời điểm nhận được thông báo.

b) Trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống cột treo cáp, đơn vị sở hữu cột có trách nhiệm thay thế bằng cột mới hoặc kéo dây gia cường để treo tạm cáp trong vòng 24 (hai mươi tư) giờ kể từ thời điểm xảy ra sự cố. Nếu khắc phục sự cố bằng phương án hạ ngầm, trong thời gian 10 (mười) ngày kể từ ngày xảy ra sự cố, doanh nghiệp viễn thông xây dựng phương án hạ ngầm gửi Sở Thông tin và Truyền thông phê duyệt.

3. Đối với sự cố gây gián đoạn thông tin liên lạc phục vụ công tác chỉ đạo điều hành, công tác an ninh quốc phòng, doanh nghiệp phải đảm bảo khôi phục liên lạc theo chỉ đạo của chính quyền địa phương và các đơn vị có thẩm quyền.

4. Bảo vệ và xử lý sự cố trong quá trình sửa chữa, nâng cấp và chỉnh trang các công trình có khả năng gây ảnh hưởng đến công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

a) Trước thời điểm thi công tối thiểu 05 (năm) ngày làm việc, đơn vị chủ trì việc sửa chữa, nâng cấp và chỉnh trang các công trình có khả năng gây ảnh hưởng đến công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động phải thông báo cho các doanh nghiệp viễn thông liên quan chủ động triển khai các phương án bảo vệ mạng lưới và sắp xếp cán bộ trực ứng cứu trong quá trình thi công;

b) Trường hợp xảy ra sự cố trong quá trình thi công, các đơn vị liên quan phải hợp tác xác định nguyên nhân, thống nhất phương án và chi phí khắc phục sự cố;

c) Tiến độ khắc phục các sự cố đảm bảo theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3, Điều này.

5. Trường hợp xảy ra sự cố đối với công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động do thiên tai, đơn vị sở hữu có trách nhiệm khắc phục hậu quả sau thiên tai, thực hiện chỉnh trang, sắp xếp lại mạng lưới đảm bảo an toàn và mỹ quan đô thị.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Sở Thông tin và Truyền thông

1. Chủ trì trong công tác:

a) Tuyên truyền, phổ biến nội dung Quy định này trên các phương tiện thông tin đại chúng;

b) Xây dựng hệ thống phần mềm quản lý quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn toàn tỉnh;

c) Xây dựng hệ thống mẫu biểu báo cáo về hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của các doanh nghiệp.

2. Chỉ đạo, giám sát quá trình đầu tư công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

3. Phối hợp với Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trong việc:

a) Cho ý kiến bằng văn bản về việc xác nhận phù hợp quy hoạch viễn thông địa phương đối với những công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động đang xin cấp phép xây dựng theo đề nghị của Sở Xây dựng hoặc Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;

b) Chỉnh trang, ngầm hóa công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên cơ sở bảo đảm tối đa việc dùng chung công trình hạ tầng kỹ thuật, an toàn cho người dân, mỹ quan đô thị và cảnh quan môi trường.

4. Hỗ trợ lực lượng vũ trang trong việc sử dụng hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của các doanh nghiệp bảo đảm thông tin liên lạc phục vụ nhiệm vụ an ninh quốc phòng.

5. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương và các đơn vị có liên quan:

a) Hướng dẫn và tổ chức thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định về quản lý, đầu tư, khai thác, sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật;

b) Giải quyết khiếu nại, tố cáo của người dân về hoạt động đầu tư, quản lý, khai thác và sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh.

Điều 13. Sở Xây dựng

1. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các quy định về đầu tư, cấp phép xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh.

2. Cấp phép xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động theo quy định của pháp luật sau khi nhận được ý kiến chấp thuận bằng văn bản của các ngành viễn thông, giao thông vận tải và quân sự.

3. Phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan thanh tra, kiểm tra, phát hiện và xử lý các vi phạm trong hoạt động đầu tư, phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

Điều 14. Sở Giao thông vận tải

1. Cho ý kiến bằng văn bản về việc chấp thuận xây dựng và cấp phép thi công các hạng mục công trình thuộc phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đối với những công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động đang xin cấp phép xây dựng theo đề nghị của Sở Xây dựng hoặc Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

2. Phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra và xử lý các vi phạm trong hoạt động đầu tư, phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động thuộc phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đang khai thác.

Điều 15. Sở Công Thương

1. Chỉ đạo Công ty Điện lực Lào Cai phối hợp với các đơn vị liên quan trong quá trình đầu tư và chính trang, ngầm hóa hệ thống cáp điện lực, cáp viễn thông treo trên cột điện hoặc lắp đặt trong các công trình hạ tầng ngầm.

2. Chỉ đạo, hướng dẫn việc dùng chung hệ thống cột điện trong phạm vi quyền hạn quản lý, đảm bảo nguyên tắc hợp tác cùng phát triển và vì lợi ích công cộng đối với những khu vực chưa thể ngầm hóa và không thể bố trí thêm cột.

3. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm trong hoạt động dùng chung công trình hạ tầng ngành điện. Yêu cầu sửa chữa, nâng cấp đối với công trình hạ tầng ngành điện dùng chung không đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật hoặc có khả năng gây mất an toàn cho người và thiết bị lắp đặt trên/trong công trình.

Điều 16. Sở Tài chính

1. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các quy định về giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông dùng chung đầu tư từ nguồn ngân sách địa phương.

2. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan trong việc:

a) Hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về cơ chế, nguyên tắc kiểm soát giá và phương pháp xác định giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông dùng chung trên địa bàn tỉnh;

b) Tổ chức hiệp thương giá theo quy định hiện hành.

c) Tổ chức thanh tra, kiểm tra và xử lý các vi phạm về giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động dùng chung.

Điều 17. Công an tỉnh

1. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai các phương án đảm bảo an toàn mạng lưới viễn thông; phát hiện, ngăn chặn kịp thời và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh.

2. Xây dựng kế hoạch, phương án bảo vệ các công trình trọng điểm về an ninh thông tin. Tham gia thẩm định quy hoạch, kế hoạch, hồ sơ dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động liên quan đến an ninh quốc gia theo đề nghị của cơ quan có thẩm quyền.

3. Phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan tiến hành thanh tra, kiểm tra, xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm về quản lý, đầu tư, khai thác và sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh.

Điều 18. Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh

1. Cho ý kiến bằng văn bản về việc chấp thuận độ cao công trình đối với tuyến cáp treo, trạm BTS đang xin cấp phép xây dựng theo đề nghị của Sở Xây dựng hoặc Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

2. Phối hợp với các cơ quan quản lý Nhà nước có liên quan tiến hành thanh tra, kiểm tra, xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm về quản lý, đầu tư, khai thác và sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh.

Điều 19. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

1. Tuyên truyền, phổ biến rộng rãi các quy định về quản lý, đầu tư, khai thác và sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên hệ thống truyền thanh, truyền hình.

2. Cấp phép xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động theo quy định của pháp luật sau khi nhận được ý kiến chấp thuận bằng văn bản của các ngành viễn thông, giao thông vận tải và quân sự.

3. Phối hợp với Sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan quản lý, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân trong quá trình cải tạo, đầu tư, xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tại địa phương.

4. Chủ trì xây dựng và triển khai kế hoạch chính trang, ngầm hóa công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động hằng năm.

5. Tổ chức thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong hoạt động đầu tư, khai thác và sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tại địa phương.

Điều 20. Doanh nghiệp sở hữu hạ tầng kỹ thuật dùng chung

1. Chấp hành các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, đầu tư, khai thác, sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động và Quy định này.

2. Tham gia hiệp thương giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động dùng chung theo quy định hiện hành.

3. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị dùng chung xây dựng quy chế, quy trình khai thác, bảo dưỡng và nâng cấp đối với công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động dùng chung, đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật và an toàn cho người cũng như thiết bị.

4. Chủ động phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các sở ban ngành liên quan và các doanh nghiệp viễn thông trong quá trình chính trang, ngầm hóa công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

Điều 21. Doanh nghiệp viễn thông

1. Chấp hành các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, đầu tư, khai thác, sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động và Quy định này.

2. Ưu tiên phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông dùng chung, cơ sở hạ tầng tại các khu vực vùng sâu, vùng xa nhằm tiếp tục phổ cập dịch vụ viễn thông, internet theo định hướng của tỉnh và trung ương.

3. Phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan trong việc:

a) Chính trang, ngầm hóa công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động;

b) Hiệp thương giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động dùng chung theo quy định hiện hành;

c) Giải quyết các vấn đề liên quan đến việc xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông.

4. Chịu sự quản lý, thanh tra, kiểm tra và chấp hành xử lý đối với những hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, đầu tư, khai thác và sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

5. Công tác báo cáo:

a) Định kỳ ngày 10/01 hàng năm, báo cáo Sở Thông tin và Truyền thông nội dung thông tin cần công bố về công trình hạ tầng viễn thông thụ động có khả năng cho thuê dùng chung;

b. Định kỳ ngày 15/6, 15/12 hằng năm, báo cáo hiện trạng hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của đơn vị và đột xuất theo yêu cầu của Sở Thông tin và Truyền thông hoặc các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền.

Điều 22. Điều khoản thi hành

1. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố theo dõi, đôn đốc, kiểm tra

việc thực hiện Quy định này; Định kỳ hằng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tư pháp) tình hình thi hành pháp luật về hoạt động quản lý, đầu tư, khai thác và sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh theo quy định của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh những vấn đề cần điều chỉnh, bổ sung, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. / *sm*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH *sm*



Đặng Xuân Phong